

**Hanna Instruments S.R.L.**Bản sửa đổi lần thứ 2  
Ngày lập: 26/01/2017  
Ngày in: 26/01/2017  
Trang số 1 / 8

US

**HI93715A-0****Thuốc thử Ammonia A Thang Trung****Phiếu an toàn hóa chất theo tiêu chuẩn HOA KỲ. Tiêu chuẩn Liên bang Hazcom (truyền đạt thông tin về hiểm họa) 2012 và Quy định Canada SOR/88-66****PHẦN 1. Nhận biết hóa chất/ hỗn hợp và thông tin công ty/ nhà xưởng****1.1. Nhận biết sản phẩm.**

Mã **HI93715A-0**  
Tên sản phẩm **Thuốc thử Ammonia A Thang Trung**

**1.2. Các trường hợp được dùng chất hoặc hỗn hợp và các trường hợp chống chỉ định.**

Mục đích sử dụng **Xác định hàm lượng Ammonia trong các Mẫu nước**

**1.3. Thông tin chi tiết nhà cung cấp phiếu an toàn hóa chất.**

Tên **Hanna Instruments S.R.L.**  
Địa chỉ **str. Hanna Nr 1**  
Quận và Quốc gia **457260 loc. Nusfalau  
Romani(Salaj)**  
ĐT **(+40) 260607700**  
Fax **(+40) 260607700**

Địa chỉ email của người có thẩm quyền  
chịu trách nhiệm về Phiếu Dữ liệu An toàn Hóa chất **sds@hannainst.com**

Đơn vị phân phối sản phẩm: **Hanna Instruments, Inc - 584 Park East, Woonsochet, Rhode Island,  
HOA KỲ 02895 - Thông tin liên hệ dịch vụ kỹ thuật: +1-800-426-6287**

**1.4. Số điện thoại khẩn cấp**

Dành cho các câu hỏi khẩn cấp **Thông tin liên hệ khẩn cấp tại Hoa Kỳ: +1-800-424-9300 -  
CHEMTREC 24 giờ/365 ngày - Thông tin liên hệ khẩn cấp quốc tế: +1-  
703-527-3887 - CHEMTREC 24 giờ/365 ngày**

**PHẦN 2. Nhận biết các mối nguy hại****2.1. Phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp.**

Sản phẩm không được phân vào nhóm hóa chất nguy hại căn cứ theo các quy định trong Tiêu chuẩn Truyền đạt Thông tin về Hiểm họa OSHA (HCS) (29 CFR 1910.1200).

Hình đồ cảnh báo: --  
Tự hiệu: --  
Thông báo nguy hại: --

Thông báo phòng ngừa:  
Phòng tránh: --  
Phản ứng: --  
Bảo quản: --  
Tiêu hủy: --

**2.2. Các nguy hại khác.**

Không có thông tin.

**PHẦN 3. Thành phần/thông tin về các hợp phần****3.1. Hóa chất.**

Không có thông tin liên quan.



**Hanna Instruments S.R.L.**

Bản sửa đổi lần thứ 2  
Ngày lập: 26/01/2017  
Ngày in: 26/01/2017  
Trang số 2 / 8

US

**HI93715A-0**

**Thuốc thử Ammonia A Thang Trung**

### **PHẦN 3. Thành phần/thông tin về các hợp phần** ... / >>

#### **3.2. Hỗn hợp**

Sản phẩm không được phân vào nhóm hóa chất nguy hại đối với sức khỏe con người hoặc môi trường căn cứ theo các quy định trong Tiêu chuẩn Truyền đạt Thông tin về Hiểm họa OSHA (HCS) (29 CFR 1910.1200).

### **PHẦN 4. Các biện pháp sơ cứu**

#### **4.1. Mô tả các biện pháp sơ cứu.**

Không cần thiết. Nên tuân thủ quy trình vệ sinh công nghiệp tốt.

#### **4.2. Triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cấp tính và mãn tính.**

Không có báo cáo về các giai đoạn gây tổn hại đối với sức khỏe có thể quy cho sản phẩm gây ra.

#### **4.3. Dấu hiệu cần chăm sóc y tế và điều trị đặc biệt ngay.**

Không có thông tin.

### **PHẦN 5. Các phương tiện chữa cháy**

#### **5.1. Phương tiện chữa cháy**

**PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY PHÙ HỢP**

Phương tiện chữa cháy nên là loại thông thường: cacbon điôxit, bột, bột và tia nước.

**PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY KHÔNG PHÙ HỢP**

Không có thông tin cụ thể.

#### **5.2. Các nguy hại đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất hoặc hỗn hợp.**

**NGUY HẠI DO TIẾP XÚC HÓA CHẤT TRONG TRƯỜNG HỢP HỎA HOẠN**

Không hít thở các sản phẩm cháy.

#### **5.3. Chỉ dẫn cho lính cứu hỏa.**

**THÔNG TIN CHUNG**

Sử dụng nguồn nước áp lực mạnh để làm mát các thùng chứa nhằm ngăn ngừa phân hủy sản phẩm và sinh ra các chất gây nguy hiểm cho sức khỏe. Luôn đeo mặt nạ chống lửa kín mặt Thu gom nước chữa cháy để ngăn chảy tràn vào hệ thống cống. Tiêu hủy nước nhiễm bẩn được sử dụng cho chữa cháy và phần còn lại của đám cháy theo các quy định hiện hành.

**THIẾT BỊ BẢO HỘ ĐẶC BIỆT CHO LÍNH CỨU HỎA**

Quần áo chữa cháy thông thường, tức bộ dụng cụ chữa cháy (BS EN 469), găng tay (BS EN 659) và ủng (chỉ dẫn kỹ thuật HO A29 và A30) kết hợp với thiết bị thở áp suất dương mạch hở (BS EN 137).

### **PHẦN 6. Xử lý hóa chất xả ra bất ngờ.**

#### **6.1. Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp.**

Chặn lỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Sử dụng thiết bị bảo hộ phù hợp (bao gồm thiết bị bảo hộ cá nhân được quy định trong Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn hóa chất) để ngăn ngừa nhiễm bẩn da, mắt và quần áo cá nhân. Các chỉ dẫn này áp dụng cho nhân viên xử lý và những người tham gia vào các quy trình khẩn cấp.

#### **6.2. Các biện pháp phòng ngừa về môi trường.**

Không để sản phẩm xâm nhập vào hệ thống cống hoặc tiếp xúc với nước bề mặt hoặc nước ngầm.

#### **6.3. Các phương pháp và vật liệu dùng để thu gom và vệ sinh.**

Thu thập sản phẩm bị rò rỉ và cho vào thùng chứa. Nếu sản phẩm dễ cháy, sử dụng thiết bị chống phát nổ. Đánh giá khả năng tương thích của thùng chứa được sử dụng, bằng cách kiểm tra phần 10. Thấm hút phần sản phẩm còn lại bằng vật liệu thấm hút trơ. Đảm bảo khu vực rò rỉ được thông khí. Cần xử lý vật liệu bị nhiễm bẩn tuân thủ theo quy định trong phần 13.

#### **6.4. Tham khảo các phần khác.**

Mọi thông tin về bảo vệ cá nhân và tiêu hủy được trình bày trong phần 8 và 13.

**PHẦN 7. Xử lý và bảo quản****7.1. Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn.**

Trước khi xử lý sản phẩm, tham khảo tất cả các phần khác của phiếu dữ liệu an toàn hóa chất này. Tránh rò rỉ sản phẩm vào môi trường. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang sử dụng

**7.2. Các điều kiện bảo quản an toàn, bao gồm cả các điều kiện không tương thích.**

Bảo quản trong thùng chứa được dán nhãn có thể đọc được. Để các thùng chứa cách xa các vật liệu không tương thích, xem phần 10 để biết thêm thông tin.

**7.3. (Các) ứng dụng cụ thể.**

Không có thông tin.

**PHẦN 8. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc/bảo vệ cá nhân****8.1. Các tham số kiểm soát.**

Không có thông tin.

**8.2. Hạn chế tiếp xúc.**

Tuân thủ các biện pháp an toàn thường được áp dụng khi xử lý các chất hóa học.

**BẢO VỆ TAY**

Không yêu cầu.

**BẢO VỆ DA**

Không yêu cầu.

**BẢO VỆ MẮT**

Không yêu cầu.

**HẠN CHẾ TIẾP XÚC MÔI TRƯỜNG.**

Lượng xả thải được sinh ra từ quá trình sản xuất, bao gồm xả thải từ thiết bị thông khí, cần được kiểm tra để đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường.

**PHẦN 9. Các tính chất lý hóa****9.1. Thông tin về các tính chất lý hóa cơ bản.**

Ngoại quan	dạng lỏng
Màu sắc	không màu
Mùi	không mùi
Ngưỡng mùi	không có thông tin
pH.	12,3
Điểm nóng chảy / điểm đóng băng	không có thông tin
Điểm sôi ban đầu	không có thông tin
Dãi sôi	không có thông tin
Điểm chớp cháy	> 93°C (199,4 °F)
Tốc độ bay hơi	không có thông tin
Khả năng bắt cháy (rắn, khí)	không có thông tin
Giới hạn cháy dưới	không có thông tin
Giới hạn cháy trên	không có thông tin
Giới hạn nổ dưới	không có thông tin
Giới hạn nổ trên	không có thông tin
Áp suất hơi	không có thông tin
Mật độ hơi	không có thông tin
Mật độ tương đối	1,20
Khả năng hòa tan	tan trong nước
Hệ số phân tách: n-octanol/nước	không có thông tin
Nhiệt độ tự bốc cháy	không có thông tin
Nhiệt độ phân hủy	không có thông tin
Độ nhớt	không có thông tin
Thuộc tính nổ	không có thông tin
Thuộc tính oxy hóa	không có thông tin

## 9.2. Thông tin khác

Tổng chất rắn (250°C / 482°F)

40.94 %

## PHẦN 10. Độ ổn định và khả năng phản ứng

### 10.1. Khả năng phản ứng.

Không có rủi ro phản ứng cụ thể với hóa chất khác ở điều kiện sử dụng bình thường.

### 10.2. Độ ổn định hóa học.

Sản phẩm ổn định ở điều kiện sử dụng và bảo quản thông thường.

### 10.3. Khả năng xảy ra các phản ứng nguy hiểm.

Không có phản ứng nguy hiểm nào có thể dự đoán trước trong các điều kiện sử dụng và bảo quản thông thường.

### 10.4. Điều kiện cần tránh.

Không có thông tin cụ thể. Tuy nhiên nên tuân theo các biện pháp phòng ngừa thông thường cho các sản phẩm hóa chất.

### 10.5. Vật liệu không tương thích.

Không có thông tin.

### 10.6. Sản phẩm phân hủy nguy hiểm.

Không có thông tin

## PHẦN 11. Thông tin về độc tính

### 11.1. Thông tin về các ảnh hưởng độc hại.

#### ĐỘC TÍNH CẤP TÍNH

LC50 (Hít phải - hơi) của hỗn hợp:

Không được phân loại (không có thành phần đáng kể).

LC50 (Hít phải - sương/bột) của hỗn hợp:

Không được phân loại (không có thành phần đáng kể).

LD50 (Miệng) của hỗn hợp:

Không được phân loại (không có thành phần đáng kể).

LD50 (Da) của hỗn hợp:

Không được phân loại (không có thành phần đáng kể).

#### ĂN MÔN / KÍCH ÚNG DA.

Không đáp ứng tiêu chí phân loại cho loại nguy hại này.

#### TỒN HẠI / KÍCH ÚNG MẮT NGHIÊM TRỌNG.

Không đáp ứng tiêu chí phân loại cho loại nguy hại này.

#### MÃN CẢM VỚI HỒ HẤP HOẶC DA.

Không đáp ứng tiêu chí phân loại cho loại nguy hại này.

#### ĐỐT BIẾN TẾ BÀO MÀM.

Không đáp ứng tiêu chí phân loại cho loại nguy hại này.

#### KHẢ NĂNG GÂY UNG THƯ.

Không đáp ứng tiêu chí phân loại cho loại nguy hại này.

#### ĐỘC TÍNH VỚI HỆ SINH SẢN.

Không đáp ứng tiêu chí phân loại cho loại nguy hại này.

#### STOT - PHỐI NHIỄM MỘT LẦN

Không đáp ứng tiêu chí phân loại cho loại nguy hại này.

#### STOT - PHỐI NHIỄM NHIỀU LẦN

Không đáp ứng tiêu chí phân loại cho loại nguy hại này.

#### NGUY HẠI VỚI HỆ HÔ HẤP

Không đáp ứng tiêu chí phân loại cho loại nguy hại này

## **PHẦN 12. Thông tin sinh thái học**

Sử dụng sản phẩm này theo các thực hành lao động tốt. Tránh xả rác. Thông báo cho cơ quan có thẩm quyền, nếu sản phẩm thâm nhập vào đường nước hoặc gây ô nhiễm đất hoặc thực vật.

### **12.1.Độc tính**

Không có thông tin.

### **12.2.Độ bền và khả năng phân hủy.**

Không có thông tin.

### **12.3.Khả năng tích lũy sinh học.**

Không có thông tin.

### **12.4.Tính lưu động trong đất.**

Không có thông tin.

### **12.5.Kết quả đánh giá PBT và vPvB.**

Không có thông tin.

### **12.6.Các tác động tiêu cực khác.**

Không có thông tin.

## **PHẦN 13. Các lưu ý tiêu hủy**

### **13.1. Các biện pháp xử lý chất thải.**

Tái sử dụng, khi có thể. Cần xem các dư chất của sản phẩm là chất thải đặc biệt không nguy hiểm. Phải thực hiện tiêu hủy thông qua một công ty quản lý chất thải được ủy quyền, tuân thủ các quy định quốc gia và địa phương.

**BAO BÌ NHIỄM BẮN**

Phải thu hồi hoặc tiêu hủy bao bì nhiễm bẩn tuân thủ các quy định quản lý chất thải quốc gia.

## **PHẦN 14. Thông tin vận chuyển**

Sản phẩm không nguy hiểm theo quy định hiện hành của Bộ luật Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường bộ (ADR) và Đường sắt (RID), Bộ luật Hàng hải quốc tế về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm (IMDG), và các quy định của Hiệp hội Vận tải Hàng không (IATA).

### **14.1.Mã LHQ**

Không áp dụng

### **14.2.Nhãn vận chuyển hợp lệ của LHQ.**

Không áp dụng

### **14.3.(Các) loại nguy hại vận chuyển.**

Không áp dụng

### **14.4.Nhóm đóng gói.**

Không áp dụng

### **14.5.Nguy hại môi trường.**

Không áp dụng

### **14.6.Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng.**

Không áp dụng

### **14.7.Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ lục II Marpol và Quy tắc IBC.**

Không có thông tin liên quan.

**PHẦN 15. Thông tin pháp luật****15.1. Các quy định/ pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể cho hóa chất hoặc hỗn hợp.**Quy định của Liên bang MỹĐạo luật Không khí sạch Phần 112(b):

Không có (các) thành phần nào được liệt kê.

Đạo luật Không khí sạch Phần 602 Nhóm I Hóa chất:

Không có (các) thành phần nào được liệt kê.

Đạo luật Không khí sạch Phần 602 Nhóm II Hóa chất:

Không có (các) thành phần nào được liệt kê.

Đạo luật Nước sạch – Chất gây ô nhiễm ưu tiên:

Không có (các) thành phần nào được liệt kê.

Đạo luật Nước sạch – Chất gây ô nhiễm độc hại:

Không có (các) thành phần nào được liệt kê.

Hóa chất DEA Loại I (Tiền chất):

Không có (các) thành phần nào được liệt kê.

Hóa chất DEA Loại II (Hóa chất thiết yếu):

Không có (các) thành phần nào được liệt kê.

Danh mục EPA:Phần 313 Bộ danh mục:

Không có (các) thành phần nào được liệt kê.

EPCRA 302 EHS TPQ:

Không có (các) thành phần nào được liệt kê.

EPCRA 304 EHS RQ:

Không có (các) thành phần nào được liệt kê.

CERCLA RQ:

1310-73-2 NATRI HYDROXIT

EPCRA 313 TRI:

Không có (các) thành phần nào được liệt kê.

Bộ luật RCRA:

Không có (các) thành phần nào được liệt kê.

CAA 112 (r) RMP TQ:

Không có (các) thành phần nào được liệt kê.

Quy định của Tiểu bang.Massachusetts:

1310-73-2 NATRI HYDROXIT

Minnesota:

1310-73-2 NATRI HYDROXIT

New Jersey:

1310-73-2 NATRI HYDROXIT

New York:

1310-73-2 NATRI HYDROXIT

Pennsylvania:

1310-73-2 NATRI HYDROXIT

California:

1310-73-2 NATRI HYDROXIT

Đề luật California 65:

Sản phẩm này không chứa hóa chất được biết tại Tiểu bang California gây ra ung thư, có hại đối với sinh sản hoặc quái thai.

Quy định quốc tếHóa chất theo báo cáo xuất khẩu căn cứ Quy định (EC) 649/2012:

Không có.

**PHẦN 15. Thông tin pháp luật.** ... / >>

Hóa chất theo Công ước Rotterdam:

Không có.

Hóa chất theo Công ước Stockholm:

Không có.

WHMIS của Canada:

Không có thông tin.

**PHẦN 16. Thông tin khác**

CHÚ THÍCH:

- PHẦN 313 BỘ DANH MỤC: Đạo luật Quyền được biết về Cộng đồng & Kế hoạch Khẩn cấp Phần 313 Bộ danh mục
- ADR: Hiệp định Châu Âu về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường bộ
- CAA 112 ® RMP TQ: Số lượng ngưỡng của Kế hoạch quản lý rủi ro (Đạo luật Không khí sạch Phần 112®)
- SỐ CAS: Số Dịch vụ Tóm tắt Hóa chất
- CE50: Nồng độ tác động (cần thiết để gây tác động 50%)
- CERCLA RQ: Số lượng có thể báo cáo (Đạo luật về Trách nhiệm pháp lý, Bồi thường và Phản ứng toàn diện về môi trường)
- CLP: Quy định EC 1272/2008
- DEA: Lực lượng chống ma túy
- EmS: Lịch trình khẩn cấp
- EPA: Cơ quan bảo vệ môi trường Hoa Kỳ
- EPCRA: Đạo luật Quyền được biết về Cộng đồng & Kế hoạch Khẩn cấp
- EPCRA 302 EHS TPQ: Số lượng kế hoạch ngưỡng Hóa chất cực kỳ nguy hiểm (Phần 302 Bộ danh mục)
- EPCRA 304 EHS RQ: Số lượng có thể báo cáo Hóa chất cực kỳ nguy hiểm (Phần 304 Bộ danh mục)
- EPCRA 313 TRI: Danh mục thống kê phát thải độc hại (Phần 313 Bộ danh mục)
- GHS: Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất
- IATA DGR: Quy định hàng hóa nguy hiểm của Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế
- IC50: Nồng độ cố định 50%
- IMDG: Bộ luật Hàng hải quốc tế về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm
- IMO: Tổ chức Hàng hải Quốc tế
- LC50: Nồng độ gây chết người, 50%
- LD50: Liều dùng gây chết người, 50%
- OEL: Mức phơi nhiễm nghề nghiệp
- PEL: Mức phơi nhiễm được dự đoán
- Bộ luật RCRA: Bộ luật Thu hồi và Bảo tồn tài nguyên
- REL: Giới hạn phơi nhiễm được khuyến nghị
- RID: Quy định về Vận tải Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường sắt Quốc tế
- TLV: Giá trị giới hạn ngưỡng
- TLV CEILING: Nồng độ không được vượt quá trong thời gian phơi nhiễm nghề nghiệp.
- TSCA: Luật kiểm soát chất độc hại
- TWA STEL: Giới hạn phơi nhiễm ngắn hạn
- TWA: Giá trị giới hạn ngưỡng cho thời gian trung bình 8 giờ một ngày
- VOC: Hợp chất hữu cơ bay hơi
- WHMIS: Hệ thống thông tin Hóa chất nguy hiểm tại nơi làm việc.

THƯ MỤC THAM KHẢO CHUNG:

- GHS sửa đổi lần 3
- Chỉ mục Merck. Ấn bản lần thứ 10
- Xử lý an toàn hóa chất
- Niosh - Cơ quan đăng ký Ảnh hưởng độc hại của Hóa chất
- INRS - Fiche Toxicologique (phiếu độc tính)
- Patty - Vệ sinh và Độc tính công nghiệp
- N.I. Sax - Tính chất nguy hiểm của Hóa chất công nghiệp -7, Ấn bản 1989

**PHẦN 16. Thông tin khác** ... / >>

- Trang web của ECHA
- 6 NYCRR phần 597
- Trang web Cal/OSHA
- Đạo Luật Thực thi Nước uống và Độc tố an toàn California
- Trang web của EPA
- Tiêu chuẩn Khuyến cáo thông tin an toàn hóa chất (HCS 2012)
- Trang web của IARC
- Danh mục EPA: Danh mục hóa chất hợp nhất căn cứ theo EPCRA, CERCLA và Phần 112® của Đạo luật Không khí sạch
- Massachusetts 105 CMR Bộ Y tế 670.000: "Quyền được biết"
- Minnesota Chương 5206 Bộ Lao động và Công nghiệp Hóa chất nguy hiểm, "Quyền được biết" của Người lao động.
- Đạo luật Quyền được biết về Cộng đồng và Người lao động New Jersey N.J.S.A.
- NTP. 2011. Báo cáo về Chất gây ung thư, Ấn bản lần thứ 12.
- Trang web của OSHA
- Pennsylvania, Danh mục hóa chất nguy hiểm, Chương 323

**Lưu ý đối với người dùng:**

Thông tin được cung cấp trong Phiếu an toàn hóa chất này dựa trên kiến thức của chúng tôi tại ngày công bố. Người dùng phải xác nhận sự phù hợp và hoàn chỉnh của thông tin được cung cấp theo từng cách dùng sản phẩm cụ thể.

Tài liệu này không được xem là bảo đảm cho tính chất cụ thể của sản phẩm.

Việc sử dụng sản phẩm này không thuộc kiểm soát trực tiếp của chúng tôi, vì thế người dùng phải, trong phạm vi trách nhiệm của mình, tuân thủ luật và quy định về sức khỏe và an toàn nghề nghiệp hiện hành. Nhà sản xuất được miễn trách nhiệm phát sinh từ việc sử dụng không đúng quy cách.

Nhân sự bổ nhiệm được đào tạo về cách thức sử dụng các sản phẩm hóa học.

Thay đổi đối với lần đánh giá trước:

Các phần sau đã được thay đổi:

01/02/03/08/09/10/11